

Số: /8/TB-MNGT

Gia Thụy, ngày 25 tháng 07 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai bảng lương bán trú, thứ 7, làm hè tháng 6/ 2025.

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGĐT ngày 19/5/2024 về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường mầm non Gia Thụy thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung:

Công khai bảng lương bán trú, thứ 7, làm thêm hè tháng 6/2025 (Có danh sách kèm theo)

2. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Bí thư CB- Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Hiệu trưởng CM	Phó ban
3	Hoàng Giáng Ngọc	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên
4	Âu Thị Lý	Kế toán	Ủy viên
5	Hoàng Quang Nghĩa	Thanh tra ND	Ủy viên

1. Địa điểm niêm yết: Tại Bảng tin trường mầm non Gia Thụy, Cổng thông tin điện tử của nhà trường.

4. Thời gian niêm yết: Từ ngày 25/07/ 2025 đến hết ngày 29/ 07/ 2025.

5. Thời gian nhận phản hồi: Trong suốt quá trình công khai.

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:

Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai của nhà trường hoặc qua hòm thư Email: mngiathuy@longbien.edu.vn.

7. Thời gian trả lời giải quyết ý kiến thắc mắc: Khi nhận được ý kiến có địa chỉ rõ ràng, ban công khai sẽ thống nhất và giải đáp kịp thời trong thời gian niêm yết công khai.

Nơi nhận:

-Ban công khai;

-CBGVNV;

-Lưu VP.



Nguyễn Thị Thanh Xuân

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LÀM BÁN TRÚ VÀ LÀM NGÀY THỨ 7

Tháng 06 năm 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	Công bán trú	Thành tiền	Công thứ 7	Thành tiền	TỔNG LĨNH	KÝ NHẬN
1	Nguyễn Thị Thanh Xuân	9,5	1.503.660	1,0	442.110	1.945.770	
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	6	949.680	1,0	442.110	1.391.790	
3	Hoàng Giáng Ngọc	10,5	1.661.940	1,0	442.110	2.104.050	
4	Nguyễn Thị Kim Oanh	16	2.532.480	0,0	0	2.532.480	
5	Ngô Minh Thu	0	0	0,0	0	0	
6	Nguyễn Phương Thanh	16	2.532.480	2,0	884.220	3.416.700	
7	Phạm Thị Thanh	16	2.532.480	1,0	442.110	2.974.590	
8	Phạm Thị Thu Hiền	0	0	0,0	0	0	
9	Đặng Thị Thu Hương	14	2.215.920	0,0	0	2.215.920	
10	Nguyễn Thị Thu Hà	0	0	0,0	0	0	
11	Lê Thị Thanh Huyền	1	158.280	0,0	0	158.280	
12	Trần Thị Kiều Anh	0	0	0,0	0	0	
13	Nguyễn Thị Trang	0	0	0,0	0	0	
14	Trương Thúy Vân	13	2.057.640	3,0	1.326.330	3.383.970	
15	Phạm Thị Xuân	0	0	0,0	0	0	
16	Nguyễn Thị Hương A	16	2.532.480	0,0	0	2.532.480	
17	Nguyễn Thị Thanh Hoài	0	0	0,0	0	0	
18	Nguyễn Thị Hiền	0	0	0,0	0	0	
19	Lương Thị Bích Vân	0	0	0,0	0	0	
20	Vũ Thị Thu Thúy	0	0	0,0	0	0	
21	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	11	1.741.080	0,0	0	1.741.080	
22	Trần Thị Thanh Tâm	10	1.582.800	0,0	0	1.582.800	
23	Nguyễn Thị Thái	16	2.532.480	3,0	1.326.330	3.858.810	
24	Nguyễn Thị Hương B	0	0	0,0	0	0	
25	Nguyễn Thị Hương C	15	2.374.200	3,0	1.326.330	3.700.530	
26	Nguyễn Thị Bốn	16	2.532.480	0,0	0	2.532.480	
27	Nguyễn Thị Thu Hương	16	2.532.480	1,0	442.110	2.974.590	
28	Nguyễn Thị Quỳnh	0	0	0,0	0	0	
29	Nguyễn Thị Thanh Hoa	0	0	0,0	0	0	
30	Âu Thị Lý	10	1.582.800	1,0	442.110	2.024.910	
31	Phạm Thanh Hương	16	2.532.480	1,0	442.110	2.974.590	
32	Trần Thị Luyến	15	2.374.200	2,0	884.220	3.258.420	
33	Lê Thị Thúy Hiền	11	1.741.080	0,0	0	1.741.080	
34	Nguyễn Thị Thu Hiền	11	1.741.080	1,0	442.110	2.183.190	



STT	HỌ VÀ TÊN	Công bán trú	Thành tiền	Công thứ 7	Thành tiền	TỔNG LĨNH	KÝ NHẬN
35	Đào Thị Thanh Huyền	12	1.899.360	0,0	0	1.899.360	
36	Hoàng Quang Nghĩa	11	1.741.080	2,0	884.220	2.625.300	
37	Lương Thị Thu Hằng	14	2.215.920	1,0	442.110	2.658.030	
38	Phạm Thị Thanh	13	2.057.640	2,0	884.220	2.941.860	
39	Nguyễn Ngọc Quyền	16	1.266.240	1,0	442.110	1.708.350	BT 50%
40	Lưu Văn Bảy	16	1.266.240	0,0	0	1.266.240	BT 50%
41	Nguyễn Duy Hoàng	16	1.266.240	3,0	1.326.330	2.592.570	BT 50%
	Tổng	363,0	53.656.920	30,0	13.263.300	66.920.220	

Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn hai trăm hai mươi đồng./.

KẾ TOÁN



Âu Thị Lý



Bồ Đề, ngày 5 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Xuân

U.B.T.D. PHƯỜNG BỐ ĐỀ

PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG MẦM NON GIA THUY

DANH SÁCH CBGVNV NHẬN TIỀN LÂM HỀ THÁNG 6/2025

273.746

STT	HO VÀ TÊN	Công	THÀNH TIỀN	KÝ NHẬN
1	Nguyễn Thị Thanh Xuân	9,5	2.600.587	
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	6,0	1.642.476	
3	Hoàng Giáng Ngọc	10,5	2.874.333	
4	Nguyễn Thị Kim Oanh	16,0	4.379.936	
5	Ngô Minh Thu	0,0	0	
6	Nguyễn Phương Thanh	16,0	4.379.936	
7	Phạm Thị Thanh	16,0	4.379.936	
8	Phạm Thị Thu Hiền	0,0	0	
9	Đặng Thị Thu Hương	14,0	3.832.444	
10	Nguyễn Thị Thu Hà	0,0	0	
11	Lê Thị Thanh Huyền	1,0	273.746	
12	Trần Thị Kiều Anh	0,0	0	
13	Nguyễn Thị Trang	0,0	0	
14	Trương Thúy Vân	13,0	3.558.698	
15	Phạm Thị Xuân	0,0	0	
16	Nguyễn Thị HươngA	16,0	4.379.936	
17	Nguyễn Thị Thanh Hoài	0,0	0	
18	Nguyễn Thị Hiền	0,0	0	
19	Lương Thị Bích Vân	0,0	0	
20	Vũ Thị Thu Thúy	0,0	0	
21	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	11,0	3.011.206	
22	Trần Thị Thanh Tâm	10,0	2.737.460	
23	Nguyễn Thị Thái	16,0	4.379.936	
24	Nguyễn Thị Hương B	0,0	0	
25	Nguyễn Thị Hương C	15,0	4.106.190	
26	Nguyễn Thị Bốn	16,0	4.379.936	
27	Nguyễn Thị Thu Hương	16,0	4.379.936	
28	Nguyễn Thị Quỳnh	0,0	0	
29	Nguyễn Thị Thanh Hoa	0,0	0	
30	Âu Thị Lý	10,0	2.737.460	
31	Phạm Thanh Hương	16,0	4.379.936	
32	Trần Thị Luyến	15,0	4.106.190	
33	Lê Thị Thúy Hiền	11,0	3.011.206	
34	Nguyễn Thị Thu Hiền	11,0	3.011.206	



STT	HỌ VÀ TÊN	Công	THÀNH TIỀN	KÝ NHẬN
35	Đào Thị Thanh Huyền	12,0	3.284.952	
36	Hoàng Quang Nghĩa	11,0	3.011.206	
37	Lương Thị Thu Hằng	14,0	3.832.444	
38	Phạm Thị Thanh	13,0	3.558.698	
39	Nguyễn Ngọc Quyền	16,0	2.189.968	Hưởng 50%
40	Lưu Văn Bảy	16,0	2.189.968	Hưởng 50%
41	Nguyễn Duy Hoàng	16,0	2.189.968	Hưởng 50%
	Tổng	363,0	92.799.894	

Bằng chữ: Chín mươi hai triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tư đồng./.

Bồ Đề, ngày 25 tháng 7 năm 2025

KẾ TOÁN



Âu Thị Lý

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Xuân

